

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 85

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 15)

Như trong kinh nói: “Có một Tỳ kheo đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới lễ chân Đức Phật rồi lùi về ngồi một bên, thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Nói có phạm vi (Giới) của mình, phạm vi của tịnh, phạm vi của Không vô biên xứ, phạm vi của Thức vô biên xứ, phạm vi của vô sở hữu xứ, phạm vi của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phạm vi của diệt. Bấy phạm vi như vậy duyên vào đâu mà thi thiết? Đức Thế Tôn bảo rằng: Duyên với tối tâm cho nên thi thiết phạm vi của mình, duyên với bất tịnh cho nên thi thiết phạm vi của tịnh, duyên với hưởng về sắc cho nên thi thiết phạm vi của Không vô biên xứ, duyên với giới hạn cho nên thi thiết phạm vi của Thức vô biên xứ, duyên với vốn có cho nên thi thiết phạm vi của Vô sở hữu xứ, duyên với có thân cho nên thi thiết phạm vi của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, duyên với có thân diệt cho nên thi thiết phạm vi của diệt.”

Hỏi: Trong này, Tỳ kheo dựa vào sự việc gì để hỏi, Đức Thế Tôn lại dùng sự việc gì mà trả lời?

Đáp: Trong này, Tỳ kheo dựa vào tướng che phủ của tám giải thoát mà hỏi, Đức Phật cũng dùng tướng che phủ này mà trả lời. Phạm vi của mình, đó là hai giải thoát đầu; phạm vi của tịnh, đó là giải thoát thứ ba; phạm vi của bốn Vô sắc xứ, đó là giải thoát của bốn Vô sắc; phạm vi của diệt, đó là Tướng thọ diệt giải thoát.

Hỏi: Tại sao Tỳ kheo dựa vào tướng che phủ của tám giải thoát mà hỏi?

Đáp: Bởi vì Tỳ kheo ấy ít ham muốn-vui vừa đủ mà che phủ giấu kín tâm thiện của mình, không muốn cho người khác biết mình có đức, cho nên đưa ra câu hỏi này.

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn dùng tướng che phủ của tám giải thoát

mà trả lời?

Đáp: Bởi vì muốn khiến cho ý thích của Tỳ kheo được đầy đủ, nghĩa là Tỳ kheo ấy dấy lên ý nghĩ như vậy: Nếu Đức Phật vì tướng che phủ của mình mà trả lời, thì tám giải thoát ấy lẽ nào không tốt lành hay sao? Vì vậy cho nên Đức Thế Tôn dùng tướng che phủ mà trả lời.

Trong này, duyên với tối tăm cho nên thi thiết phạm vi của mình, tối tăm nghĩa là cõi Dục duyên với tham Sắc xứ, hai giải thoát đầu là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Duyên với bất tịnh cho nên thi thiết phạm vi của tịnh, bất tịnh nghĩa là hai giải thoát đầu, giải thoát thứ ba là đối trị của chúng, cho nên duyên với chúng mà thiết lập. Duyên với hương về sắc cho nên thi thiết phạm vi của Không vô biên xứ, hương về sắc nghĩa là Tịnh lự thứ tư, giải thoát thứ tư là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Duyên với giới hạn cho nên thi thiết phạm vi của Thức vô biên xứ, giới hạn nghĩa là Không vô biên xứ, mà nó trú vào giới hạn của sắc, giải thoát thứ năm là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Duyên với vốn cho nên thi thiết phạm vi của Vô sở hữu xứ, vốn có nghĩa là Thức vô biên xứ, nó có vô biên hành tướng biến chuyển, giải thoát thứ sáu là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Duyên với có thân cho nên thi thiết phạm vi của Phi tướng phi phi tướng xứ, có thân nghĩa là Vô sở hữu xứ, ở đây hãy còn có thân sinh tử chứ không phải là hoàn toàn không có gì, giải thoát thứ bảy là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Duyên với có thân diệt cho nên thi thiết phạm vi của diệt, có thân diệt nghĩa là Phi tướng phi phi tướng xứ, bởi vì ở đó có năng lực diệt pháp có thân của Vô sở hữu xứ, giải thoát thứ tám là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập.

Có người đưa ra cách nói này: Trong này, Tỳ kheo dựa vào tướng che phủ tóm lược và mở rộng về lìa nhiễm của ba cõi mà hỏi, Đức Thế Tôn cũng dùng tướng che phủ này mà trả lời. Phạm vi của mình, là hiển bày tóm lược về đạo gia hạnh lìa nhiễm của cõi Dục. Duyên với sự tối tăm này mà thi thiết, tối tăm nghĩa là cõi Dục duyên với tham năm Dục, gia hạnh của cõi Sắc là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Phạm vi của tịnh, là hiển bày tóm lược về lìa nhiễm của cõi Dục. Phạm vi của Không vô biên xứ, là hiển bày tóm lược về lìa nhiễm của cõi Sắc. Phạm vi của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ, là hiển bày rộng về lìa nhiễm của cõi Vô sắc. Phạm vi của diệt, là hiển bày tóm lược về lìa nhiễm của cõi Vô sắc.

Trong này có người nói: Phạm vi của mình, là hiển bày tóm lược

về lìa nhiễm của cõi Dục, bởi vì chỉ có Vị chí Định đoạn sự tối tăm của dục. Phạm vi của tịnh, là hiển bày rộng về lìa nhiễm của cõi Sắc, bởi vì bốn Tĩnh lự đều gọi là tịnh. Phạm vi của Không vô biên xứ, là hiển bày tóm lược về lìa nhiễm của cõi Sắc. Phạm vi của ba Vô sắc xứ sau, là hiển bày rộng về lìa nhiễm của cõi Vô sắc. Phạm vi của diệt, là hiển bày tóm lược về lìa nhiễm của cõi Vô sắc. Cõi Dục chỉ có nhiễm của một địa, cho nên hiển bày tóm lược về pháp đối trị; cõi Sắc-Vô sắc đều có nhiễm của bốn địa, cho nên hiển bày mở rộng và tóm lược về pháp đối trị của chúng.

Phái Thí Dụ nói: Trong này, Tỳ kheo dựa vào tướng che phủ của tám Đăng chí mà hỏi, Đức Phật cũng dùng tướng che phủ này mà trả lời. Nhưng văn kinh này người tụng có thêm-bớt, đó là thêm phạm vi của diệt mà giảm phạm vi của quang. Phạm vi của minh, đó là hai Tĩnh lự đầu. Duyên với sự tối tăm này mà thi thiết, tối tăm nghĩa là những sự ngăn che của ngoại duyên, hai Tĩnh lự đầu là đối trị của nó, cho nên duyên với nó mà thiết lập. Phạm vi của tịnh, đó là Tĩnh lự thứ ba. Phạm vi của quang, đó là Tĩnh lự thứ tư. Phạm vi của bốn Vô sắc xứ tức là bốn Vô sắc xứ.

Ngay kinh này nói: “Lúc Tỳ kheo ấy nghe Đức Phật đã nói thì hoan hỷ cung kính tiếp nhận, lại thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Phạm vi của minh cho đến phạm vi của diệt, do Định nào đạt được? Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Các phạm vi như vậy do tự mình thực hành Định khác mà đạt được. Tỳ kheo nghe rồi hoan hỷ cung kính tiếp nhận, lễ lạy Đức Phật mà lui ra.”

Trong này, có người nói: Tỳ kheo ấy hỏi về phạm vi đạt được. Lại có người nói: Tỳ kheo ấy hỏi về pháp đoạn đạt được.

Nếu hỏi về phạm vi đạt được thì ý của Tỳ kheo ấy hỏi rằng: Các phạm vi như vậy do Định nào đạt được Thế ấy? Ý của Đức Phật trả lời rằng: Phạm vi của minh cho đến phạm vi của Phi tướng phi phi tướng xứ, do tự mình thực hành Định mà đạt được.

Tự mình thực hành Định, nghĩa là cận phần của mình. Do cận phần của mình lìa nhiễm của địa dưới mà đạt được giải thoát của địa mình, nghĩa là do cận phần của Tĩnh lự thứ nhất lìa nhiễm của cõi Dục mà đạt được hai giải thoát đầu. Do cận phần của Tĩnh lự thứ tư lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba mà đạt được tịnh giải thoát. Do cận phần của Không vô biên xứ lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư mà đạt được giải thoát của Không vô biên xứ. Cho đến do cận phần của Phi tướng phi phi tướng xứ. Chỉ có phạm vi của diệt là do Định khác mà đạt được. Định khác, nghĩa là

Định có sở y, tức là Phi tướng phi phi tướng xứ, bởi vì đó là Định căn bản của các cõi (Hữu).

Hoặc có người nói: Định này gọi là Định hữu thắng, bởi vì ở trong các cõi thì cõi này là thù thắng nhất. Hoặc nói Định này gọi là Định tướng thọ diệt, bởi vì là tướng thọ diệt vào-ra Định. Do Định này mà đạt được giải thoát thứ tám.

Nếu hỏi về pháp đoạn đạt được thì Tỳ kheo ấy hỏi ý nói: Các phạm vi như vậy do Định nào đạt được pháp đoạn ấy? Đức Phật trả lời ý nói: Phạm vi của mình cho đến phạm vi của Vô sở hữu xứ, do tự mình thực hành Định khác mà đạt được.

Tự mình thực hành Định, nghĩa là cận phần của mình, tức là Định hữu lậu. Định khác, nghĩa là các Định vô lậu. Cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ, đều do hai Định này lia nhiễm mà đạt được pháp đoạn ấy. Phạm vi của Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ do Định khác mà đạt được, bởi vì chỉ có Định vô lậu có năng lực lia nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ mà đạt được pháp đoạn ấy. Phạm vi của diệt chỉ do pháp khác mà đạt được, pháp khác gọi là có thân diệt, tức là Niết-bàn. Lúc nhập Niết-bàn thì rời bỏ Diệt tận Định, cho nên gọi là đoạn. Do Niết-bàn khác mà đạt được pháp đoạn ấy, cho nên nói diệt ấy do pháp khác mà đạt được. Tám thắng xứ, đó là:

1. Bên trong có sắc tướng quán ít sắc bên ngoài.
2. Bên trong có sắc tướng quán nhiều sắc bên ngoài.
3. Bên trong không có sắc tướng quán ít sắc bên ngoài.
4. Bên trong không có sắc tướng quán nhiều sắc bên ngoài. Bên trong không có sắc tướng quán các sắc xanh-vàng-đỏ-trắng bên ngoài, lại làm thành bốn loại. Tám loại như vậy gọi là tám thắng xứ.

Hỏi: Tự tánh của tám thắng xứ này là gì?

Đáp: Lấy thiện căn không tham để làm tự tánh, bởi vì đối trị với tham. Nếu cùng chọn lấy tương ưng-tùy chuyển, thì cõi Dục là lấy bốn Uẩn làm tự tánh, cõi Sắc là lấy năm Uẩn làm tự tánh. Như vậy gọi là tự tánh của thắng xứ, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần.

Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Tại sao gọi là thắng xứ, thắng xứ là nghĩa gì?

Đáp: Hơn hẳn cảnh sở duyên, cho nên gọi là thắng xứ. Lại nữa, hơn hẳn các phiền não cho nên gọi là thắng xứ. Tuy hành giả tu quán không phải là tất cả có năng lực hơn hẳn cảnh sở duyên, mà đối với sở duyên không khởi lên phiền não, cũng gọi là hơn hẳn. Như trong kinh nói: “Hơn hẳn đối với nơi này, cho nên gọi là thắng xứ.”

Tám thắng xứ này, về cõi thì đều là cõi Sắc; về địa thì bốn thắng xứ trước thuộc hai Tịnh lục đầu và Vị chí Định-Tịnh lục trung gian, bốn thắng xứ sau thuộc Tịnh lục thứ tư; về sở y thì đều dựa vào thân cõi Dục mà khởi lên; về hành tướng thì tất cả đều không phải là hành tướng rõ ràng; về sở duyên thì đều duyên với tất cả Sắc xứ của cõi Dục.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh nói nên thông hiểu thế nào? “Tôn giả Vô Diệt trú trong một Tịnh xá thuộc thành Thất-la-phiệt, lúc bấy giờ có bốn Thiên nữ vừa ý, đi đến phía trước chỗ ngồi của Tôn giả mà đứng, thưa rõ rằng: Chúng tôi chuyển biến tự tại đối với bốn Sắc xứ, tùy theo Sắc nào yêu thích đều có thể hóa hiện rõ ràng, để cùng nhau chơi đùa vui vẻ tùy tâm mà thưởng thức, áo quần vật dụng trang điểm đều có thể hiện rõ ra, mong rủ lòng thấu nhận để cung cấp hầu hạ đầy đủ! Tôn giả Vô Diệt dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình cần phải duyên vào họ mà khởi lên quán bất tịnh. Dấy lên ý nghĩ này rồi tiến vào Tịnh lục thứ nhất, duyên vào họ không thể nào khởi lên tướng bất tịnh, cho đến sau cùng tiến vào Tịnh lục thứ tư, duyên vào họ cũng không thể nào khởi lên tướng bất tịnh. Lại dấy lên ý nghĩ này: Thân của các Thiên nữ này có các loại sắc làm cho ý người mê hoặc rối bời, nếu họ chỉ hóa ra một loại sắc, thì mình có thể đối với họ mà khởi lên quán bất tịnh. Nghĩ rồi nói với họ rằng: Trước đây các chị nói chuyển biến tự tại đối với bốn Sắc xứ, mong có thể vì tôi đều hiện rõ ra màu xanh. Thiên nữ vâng theo lời dạy lập tức làm hiện ra màu xanh, duyên vào cũng không thể nào khởi lên tướng bất tịnh. Lại dấy lên ý nghĩ này: Họ chuyển biến tự tại đối với bốn sắc màu, nếu hóa ra sắc màu khác thì chắc có thể duyên vào mà khởi lên quán bất tịnh. Nghĩ rồi nói với họ rằng: Mong hiện rõ ra màu vàng. Thiên nữ lập tức đều làm cho hiện ra màu vàng, duyên vào cũng không thể nào khởi lên tướng bất tịnh. Lại nói với Thiên nữ đều hiện ra màu đỏ, duyên vào cũng không thể nào khởi lên tướng bất tịnh. Lại dấy lên ý nghĩ này: Ở trong các sắc màu thì sắc màu trắng là có thể thuận với quán bất tịnh nhất, mình nên khiến cho họ đều hiện ra màu trắng. Nghĩ rồi nói rằng: Xin hiện rõ ra màu trắng. Thiên nữ lại đều làm cho hiện ra màu trắng, duyên vào cũng không thể nào khởi lên tướng bất tịnh. Tôn giả Vô Diệt dấy lên ý nghĩ như vậy: Sắc của Thiên nữ thù thắng tuyệt vời không thể nào điều phục hơn được. Thế là nhắm mắt im lặng mà ngồi, các Thiên nữ biết Tôn giả hoàn toàn không có tâm nhiễm ô, nhìn nhau đã xấu hổ bỗng nhiên không thấy nữa. Lúc ấy Định của Tôn giả không thắng nổi cảnh ấy. Cảnh cũng không thể nào hơn được Định của Tôn giả, như hai lực sĩ lần lượt chuyển đổi, sức mạnh

bằng nhau không thể nào hơn được nhau. Ở đây cũng như vậy.” Kinh này đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Tôn giả Vô Diệt đối với cảnh của sắc Thiên nữ tuy không thể nào hơn được, mà Định thù thắng của bậc lợi căn như Xá-lợi-tử... đều có năng lực hơn hẳn.

Hỏi: Duyên với sắc của thân Phật có thể có ai có năng lực khởi lên quán bất tịnh hay không?

Đáp: Có người nói: Không thể nào, bởi vì sắc của thân Phật sáng ngời chói chang thanh tịnh không có vết bẩn, không có ai có năng lực duyên vào mà khởi lên tưởng bất tịnh. Có người đưa ra cách nói này: Tất cả dị sinh-Thanh văn-Độc giác đều không có năng lực duyên vào sắc của thân chư Phật mà khởi lên tưởng bất tịnh, chỉ có Phật Thế Tôn đối với sắc của thân Phật mới có thể có năng lực duyên vào mà khởi lên tưởng bất tịnh. Hoặc có người nói: Quán bất tịnh có hai loại:

1. Quán lỗi lầm tai họa do sắc.
2. Quán duyên khởi của sắc.

Quán lỗi lầm tai họa do sắc, thì không thể nào duyên với Phật mà khởi lên tưởng bất tịnh; quán duyên khởi của sắc thì cũng có thể duyên với Phật mà khởi lên tưởng bất tịnh. Lại có người nói: Quán bất tịnh có hai loại:

1. Đối với tự tướng mà chuyển.
2. Đối với cộng tướng mà chuyển.

Đối với tự tướng mà chuyển, thì không thể nào duyên với Phật mà khởi lên tưởng bất tịnh; đối với cộng tướng mà chuyển, cũng có thể duyên với Phật mà khởi lên tưởng bất tịnh.

Hỏi: Các pháp quán bất tịnh là thuộc về ý địa, hay là thuộc về năm thức?

Đáp: Thuộc về ý địa chứ không phải là năm thức.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Mắt thấy sắc rồi thuận theo quán bất tịnh tư duy đúng như lý, nói rộng ra cho đến thân cảm nhận xúc chạm rồi thuận theo quán bất tịnh tư duy đúng như lý.”

Đáp: Bởi vì năm thức thân là phương tiện dẫn dắt khởi lên các pháp quán bất tịnh, cho nên đưa ra cách nói này. Như ý cận hành thật ra chỉ có ý địa, năm thức dẫn dắt khởi lên, ở đây cũng thuận theo như vậy.

Hỏi: Các pháp quán bất tịnh chỉ duyên với Sắc xứ, chỉ cần nói là mắt thấy sắc rồi thuận theo quán bất tịnh tư duy đúng như lý, tại sao

cũng nói là tai nghe tiếng rồi... cho đến thân cảm nhận xúc chạm rồi tư duy đúng như lý?

Đáp: Như quán bất tịnh có năng lực điều phục tham sắc, cũng có năng lực điều phục của bốn cảnh khác, cho nên đưa ra cách nói như vậy cũng không trái với lý.

Có người đưa ra cách nói này: “Mắt thấy sắc rồi... cho đến thân cảm nhận xúc chạm rồi, tất cả có thể dẫn dắt khởi lên duyên với sắc mà quán bất tịnh, cho nên đưa ra cách nói như vậy.” Hoặc có người nói: “Không phải là quán bất tịnh duyên với tiếng... mà khởi lên, có hành tướng bất tịnh thù thắng khác có thể duyên với tiếng... sinh ra tướng bất tịnh.” Lại có người nói: “Các sư Du-già, trước hết duyên vào sắc xứ mà tu quán bất tịnh, được thành thực rồi sau đó duyên với tiếng..., khởi lên tướng chán ngán lo sợ mạnh hơn để điều phục cảnh ấy, có thể điều phục là tốt. Nếu không thể nào điều phục thì lại duyên vào sắc xứ khởi lên quán bất tịnh. Như luyện tập đánh nhau mà cứu sống tình mạng thì từ bụi cây bước ra, cùng với người khác đánh nhau thắng được thì tốt; nếu không thắng được thì quay vào lại trong bụi cây. Ở đây cũng như vậy, cho nên không trái ngược nhau.” Có Sư khác nói: “Trong kinh này không nói duyên với sắc khởi lên quán bất tịnh, chỉ nói đối với sắc... khởi lên tướng chán ngán lo sợ, quán này thành tựu đầy đủ rồi cho đến có thể chán ngán tâm-tâm sở pháp. Vì vậy kinh ấy nói là ý biết pháp rồi, thuận theo quán bất tịnh tư duy đúng như lý, cho nên nói bất tịnh là hiển bày về tướng chán ngán lo sợ chứ không phải là quán bất tịnh.” Do đó, tám thắng xứ chỉ lấy tất cả Sắc xứ của cõi Dục làm cảnh sở duyên.

Về niệm trú, tám thắng xứ này chỉ đi cùng với Thân niệm trú. Trí, thì tất cả chỉ đi cùng với Thế tục trí. Tam-ma-địa, thì tất cả không đi cùng với Tam-ma-địa. Căn tương ứng, thì nói chung chỉ tương ứng với Hỷ-Xả căn. Ba đời, thì đều nối thông với ba đời. Duyên với ba đời, tám thắng xứ này c thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai nếu sinh pháp thì duyên với vị lai, nếu không sinh pháp thì duyên với ba đời. Thiện-bất thiện và vô ký, thì đều chỉ là thiện. Duyên với thiện-bất thiện và vô ký, thì đều duyên với ba loại. Hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, thì đều chỉ hệ thuộc cõi Sắc. Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, thì đều chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục. Học - Vô học và Phi học phi vô học, thì đều chỉ là Phi học phi vô học. Duyên với Học-Vô học và Phi học phi vô học, thì đều chỉ duyên với Phi học phi vô học. Kiến sở đoạn-tu sở đoạn và không đoạn, thì đều chỉ là do tu mà đoạn. Duyên với kiến sở đoạn-tu sở đoạn và không đoạn, thì đều chỉ

duyên với do tu mà đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa, thì đều chỉ duyên với nghĩa. Duyên với tự tướng tục-tha tướng tục và không tướng tục, thì hai loại đều duyên với tự-tha tướng tục, sáu loại sau có người nói chỉ duyên với tha tướng tục, có người nói cùng duyên với tự-tha tướng tục. Gia hạnh đăc-ly nhiễm đăc, thì đều bao gồm cả hai loại. Ly nhiễm đăc, ở Tĩnh lự thứ nhất thì lúc lìa nhiễm của cõi Dục mà đạt được, ở Tĩnh lự thứ hai thì lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất mà đạt được, ở Tĩnh lự thứ tư thì lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba mà đạt được, sau đó do gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt. Gia hạnh đăc, là do gia hạnh mà đạt được, cũng do gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt. Thanh văn hoặc là do gia hạnh bậc Trung, hoặc là do gia hạnh bậc Thượng; Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Phật không do gia hạnh mà đạt được và hiện rõ ở trước mắt. Từng đạt được-chưa từng đạt được, thì đều gồm cả từng đạt được và chưa từng đạt được, nghĩa là các Thánh giả và dị sinh nội pháp đều gồm cả hai loại, dị sinh ngoại pháp chỉ là từng đạt được.

Như vậy đã nói về tướng chung của thắng xứ, tướng riêng của mỗi một loại nay cần phải nói rộng ra.

Bên trong có sắc tướng quán ít sắc bên ngoài, hoặc là đẹp hay là xấu, đối với các sắc ấy biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn, là Thắng xứ thứ nhất. Trong này, bên trong có sắc tướng, nghĩa là có sắc tướng khác nhau ở bên trong chưa lìa-chưa bỏ-chưa trừ. Quán sắc bên ngoài, nghĩa là vì lìa-bỏ-trừ sắc tướng khác nhau ở bên trong, do tác ý thắng giải mà quán các sắc bên ngoài. Ít nghĩa là hai loại ít:

1. Ít sở duyên.
2. Ít tự tại.

Hoặc là đẹp, nghĩa là sắc màu xanh vàng đỏ trắng không xấu xa hư hoại; hoặc là xấu, nghĩa là sắc màu xanh vàng đỏ trắng xấu xa hư hoại. Đối với các sắc ấy biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn, nghĩa là bởi vì điều phục tham dục, đoạn trừ làm hỏng tham dục, vượt lên trên tham dục, cho nên đối với các sắc ấy khởi lên thấy biết hơn hẳn. Điều phục hơn hẳn sắc ấy, nghĩa là thâm nhiếp tiếp nhận nó và điều hòa thuần phục nó, giống như nhà giàu sang và con nhà giàu sang thâm nhiếp tiếp nhận điều hòa thuần phục các tôi tớ của mình, cho nên gọi là biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn. Là Thắng xứ thứ nhất, thứ nhất nghĩa là danh số theo thứ tự ở đầu tiên, hoặc tiến vào Định ấy theo thứ tự ở đầu tiên, Thắng xứ nghĩa là lúc tiến vào Định ấy vốn có Sắc -Thọ- Tưởng-Hành-Thức thiện, gọi chung là Thắng xứ.

Như thắng xứ thứ nhất, nên biết Thắng xứ thứ hai cũng như vậy.

Có điều sai biệt, nghĩa là Thắng xứ thứ hai này quán nhiều sắc bên ngoài. Nhiều có hai loại:

1. Nhiều sở duyên.
2. Nhiều tự tại.

Phần còn lại nói như trước.

Bên trong không có sắc tướng quán ít sắc bên ngoài, hoặc là đẹp hay là xấu, đối với các sắc ấy biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn, là Thắng xứ thứ ba. Trong này, bên trong không có sắc tướng, nghĩa là sắc tướng khác nhau ở bên trong đã lia-đã bỏ-đã trừ. Quán sắc bên ngoài, nghĩa là không vì lia-bỏ-trừ sắc tướng khác nhau ở bên trong, mà do tác ý thắng giải để quán các sắc bên ngoài. Phần còn lại như trước nói. Như Thắng xứ thứ ba, nên biết Thắng xứ thứ tư cũng như vậy. Có điều sai biệt, đó là Thắng xứ thứ tư quán nhiều sắc bên ngoài.

Bên trong không có sắc tướng, quán sắc bên ngoài, màu xanh thì hiển bày màu xanh-hiện rõ màu xanh-ánh sáng màu xanh vô lượng, vô lượng thanh tịnh tuyệt vời đáng vui đáng thích không thể trái ngược, như hoa Ô-mạc-ca, hoặc sắc màu quần áo nhuộm xanh của Bà-la-ni-tư, đối với các sắc ấy biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn, có tướng như vậy, là Thắng xứ thứ năm. Trong này, bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài, nghĩa như trước đã nói. Màu xanh, nghĩa là các sắc màu xanh, hoặc lớn-hoặc nhỏ nói chung là màu xanh. Hiển bày màu xanh, nghĩa là sắc màu xanh ấy do mắt đã biết rõ ràng, là cảnh hoạt động của mắt, cho nên gọi là hiển bày màu xanh. Hiện rõ màu xanh, nghĩa là sắc màu xanh ấy như bị nhãn thức đã phân biệt rõ ràng rồi, dẫn dắt sinh ra ý thức phân biệt rõ ràng, cho nên gọi là hiện rõ màu xanh. Ánh sáng màu xanh, nghĩa là sắc màu xanh ấy chiếu rọi sáng ngời, cho nên gọi là ánh sáng màu xanh. Vô lượng, nghĩa là sắc màu xanh ấy rộng lớn không có giới hạn, cho nên gọi là vô lượng. Vô lượng thanh tịnh tuyệt vời, nghĩa là như sắc màu xanh rộng lớn không có giới hạn, tướng thanh tịnh tuyệt vời ấy cũng không có giới hạn, vì vậy cho nên gọi là vô lượng thanh tịnh tuyệt vời. Đáng vui, nghĩa là sắc màu xanh ấy thật là vui-thật là đẹp làm cho ý vui sướng, cho nên gọi là đáng vui. Đáng thích, nghĩa là sắc màu xanh ấy thật là thích-thật đáng thưởng thức, nếu duyên vào sắc màu này thì không còn mong cầu gì khác, cho nên gọi là đáng ưa thích. Không thể trái ngược, nghĩa là sắc màu xanh ấy khiến cho tâm có thể tùy thuận hưởng đến, vì vậy cho nên gọi là không thể trái ngược. Như hoa Ô-mạc-ca, hoặc sắc màu quần áo nhuộm xanh của Bà-la-ni-tư, nghĩa là sắc màu ấy rất xanh cho nên dẫn ra làm thí dụ. Đối với các

sắc ấy biết hơn hẳn-thấy hơn hẳn, nghĩa như trước đã nói. Có tướng như vậy, nghĩa là đối với sắc màu xanh ấy có tướng màu xanh hiện rõ trước mắt đã nói như trước. Là Thắng xứ thứ năm, nghĩa cũng như trước.

Như nói về Thắng xứ màu xanh, nói về Thắng xứ màu vàng - đỏ - trắng nên biết cũng như vậy. Có điều sai biệt, đó là Thắng xứ màu vàng phải nói như hoa Yết-ni-ca-la, Thắng xứ màu đỏ phải nói như hoa Bàn-độ-thời-phước-ca, Thắng xứ màu trắng phải nói như Ô-sát-tư-tinh và Bà-la-ni-tư, áo quần vàng - đỏ - trắng tùy theo loại cần phải nói.

Hỏi: Trong bốn sắc hiển bày thì sắc nào là hơn hẳn?

Đáp: Tôn giả Thế hữu đưa ra cách nói như vậy: “Sắc màu trắng là hơn hẳn, bởi vì thế gian cùng nói sắc màu này là tốt lành. Như trong bốn phương thì phương Đông là tốt lành hơn hẳn, cho nên sắc màu trắng cũng như vậy.” Đại đức nói rằng: “Duyên với sắc màu trắng thì khiến cho tâm trong sáng, bởi vì không tùy thuận với hôn trầm - thụy miên, có năng lực duy trì giữ gìn thân, cho nên là hơn hẳn.”

Mười biến xứ, đó là xanh - vàng - đỏ - trắng - đất - nước - lửa - gió - không vô biên xứ và Thức vô biên xứ.

Hỏi: Tự tánh của mười Biến xứ này là gì?

Đáp: Tám Biến xứ trước dùng thiện căn không tham để làm tự tánh, bởi vì đối trị với tham. Nếu cùng chọn lấy tương ứng – tùy chuyển, thì cõi Dục lấy bốn Uẩn làm tự tánh, cõi Sắc lấy năm Uẩn làm tự tánh. Hai biến xứ sau đều lấy bốn Uẩn làm tự tánh. Như vậy gọi là tự tánh của Biến xứ, tự Thể của ngã - vật, bốn tánh của tướng phần. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Tại sao gọi là Biến xứ, Biến xứ là nghĩa gì? Đáp: Do hai duyên cho nên gọi là Biến xứ:

1. Do không gián đoạn.

2. Do rộng lớn. Do không gián đoạn, nghĩa là tác ý thắng giải chỉ toàn màu xanh... chứ không xen lẫn trong nhau, cho nên gọi là không gián đoạn. Do rộng lớn, nghĩa là tác ý thắng giải duyên với màu xanh..., cảnh tướng không giới hạn cho nên gọi là rộng lớn. Đại đức nói rằng: “Sở duyên rộng lớn không có khe hở, cho nên gọi là Biến xứ.”

Mười Biến xứ này, về cõi thì tám Biến xứ trước là cõi Sắc, hai Biến xứ sau là cõi Vô sắc. Về địa, tám Biến xứ trước thuộc về Tịnh lự thứ tư, Biến xứ chín thuộc về Không vô biên xứ, Biến xứ thứ mười thuộc về Thức vô biên xứ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tịnh giải thoát thuộc về Tịnh lự thứ tư, từ đây có thể tiến vào bốn Thắng xứ sau, bốn Thắng xứ

sau này lại có thể tiến vào tám Biến xứ trước. Trong này, giải thoát chỉ đối với sở duyên mà chọn lấy toàn bộ tướng tịnh, chưa có thể phân biệt xanh vàng đỏ trắng. Bốn Thắng xứ sau tuy có thể phân biệt xanh vàng đỏ trắng, mà chưa có thể làm vô biên hành tướng. Bốn Biến xứ trước không phải là chỉ phân biệt xanh vàng đỏ trắng, mà cũng có thể làm vô biên hành tướng, nghĩa là quán xanh vàng... tất cả đều vô biên, lại suy nghĩ xanh vàng... là dựa vào nơi nào, biết là dựa vào Đại chủng; tiếp theo quán đất - nước... tất cả đều vô biên, lại suy nghĩ về sắc đã hiểu rõ này vì sao rộng lớn, biết là do hư không; tiếp theo khởi lên Không vô biên xứ, lại suy nghĩ về năng lực hiểu rõ này lấy gì làm sở y, biết là dựa vào Thức rộng lớn; tiếp theo lại khởi lên Thức vô biên xứ, Thức dựa vào nơi này không còn dựa vào nơi khác, cho nên không thiết lập cao hơn nữa làm Biến xứ. Về sở y, tám Biến xứ trước chỉ dựa vào thân cõi Dục mà dấy khởi, hai Biến xứ sau dựa vào thân của ba cõi mà dấy khởi. Về hành tướng, mười Biến xứ này đều làm vô biên hành tướng. Về sở duyên, tám Biến xứ trước chỉ duyên với Sắc xứ của cõi Dục, hai Biến xứ sau đều duyên với bốn Uẩn của địa mình. Về niệm trú, tám Biến xứ trước đi cùng Thân niệm trú, hai Biến xứ sau đi cùng Pháp niệm trú. Về trí, tất cả đều đi cùng với Thế tục trí. Về Tam-ma-địa, tất cả không đi cùng với Tam-ma-địa. Về căn tương ứng, tất cả chỉ tương ứng với Xả căn. Về ba đời, tất cả đều nối thông với ba đời. Duyên với ba đời, tám Biến xứ trước thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai nếu sinh pháp thì duyên với vị lai, nếu không sinh pháp thì duyên với ba đời; hai Biến xứ sau đều duyên với ba đời. Thiện - bất thiện và vô ký, tất cả đều chỉ là thiện. Duyên với thiện - bất thiện và vô ký, tám Biến xứ trước duyên với ba loại, hai Biến xứ sau duyên với thiện và vô ký. Hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, tám Biến xứ trước chỉ hệ thuộc cõi Sắc, hai Biến xứ sau chỉ hệ thuộc cõi Vô sắc. Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, tám Biến xứ trước chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, hai Biến xứ sau chỉ duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc. Học - Vô học và Phi học phi vô học, tất cả đều chỉ là Phi học phi vô học. Duyên với Học - Vô học và Phi học phi vô học, tất cả đều chỉ duyên với Phi học phi vô học. Kiến sở đoạn - tu sở đoạn và không đoạn, tất cả đều chỉ do tu mà đoạn. Duyên với kiến sở đoạn - tu sở đoạn và không đoạn, tám Biến xứ trước chỉ duyên với do tu mà đoạn, hai Biến xứ sau duyên với do kiến - tu mà đoạn. Duyên với danh - duyên với nghĩa, tất cả đều duyên với nghĩa. Duyên với tự tương tục - tha tương tục và không tương tục, tám Biến xứ trước thì có người nói chỉ duyên với tha tương tục, có

người nói duyên cùng với tự - tha tương tục; hai Biến xứ sau đều duyên với tự - tha tương tục. Gia hạnh đắc - ly nhiễm đắc, tất cả đều gồm cả gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc. Ly nhiễm đắc, tám Biến xứ trước đạt được lúc lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ ba, Biến xứ thứ chín đạt được lúc lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ tư, Biến xứ thứ mười đạt được lúc lìa nhiễm của Không vô biên xứ, sau đó do gia hạnh mà hiện rõ trước mắt. Gia hạnh đắc là do gia hạnh mà đạt được, cũng do gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt. Thanh văn hoặc do gia hạnh bậc Trung, hoặc do gia hạnh bậc Thượng; Độc giác do gia hạnh bậc Hạ; Phật đạt được và hiện rõ trước mắt không do gia hạnh. Từng đạt được - chưa từng đạt được, tất cả đều gồm chung đã từng đạt được và chưa từng đạt được, nghĩa là các Thánh giả và dị sinh nội pháp gồm chung đã từng đạt được và chưa từng đạt được, dị sinh ngoại pháp chỉ là từng đạt được.

Hỏi: Gia hạnh của mười Biến xứ này thế nào?

Đáp: Bốn Biến xứ trước lấy nhãn thức làm gia hạnh, đến lúc thành tựu đầy đủ thì duyên với bốn Sắc xứ xanh vàng đỏ trắng làm cảnh; bốn Biến xứ giữa lấy thân thức làm gia hạnh, đến lúc thành tựu đầy đủ thì duyên với bốn Xúc xứ đất nước lửa gió làm cảnh.

Có người đưa ra cách nói này: “Bảy Biến xứ trước lấy nhãn thức làm gia hạnh, một Biến xứ giữa lấy thân thức làm gia hạnh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Biến xứ đất - nước - lửa, lấy Sắc hiển bày hình dạng làm sở duyên, Biến xứ về gió lấy Xúc có tánh động làm sở duyên.” Lại có người nói: “Tám Biến xứ trước đều dùng nhãn thức làm gia hạnh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Biến xứ gió cũng dùng Sắc làm sở duyên. Như thế gian nói: Gió Đông - gió Tây - gió Nam - gió Bắc, gió có bụi - gió không có bụi, gió Tỳ-thấp-phược, gió Phê-lam-bà, gió xoáy tròn..., cho nên Biến xứ về gió cũng duyên với Sắc xứ.” Không vô biên xứ lấy Không làm gia hạnh, Thức vô biên xứ lấy Thức làm gia hạnh.

Như vậy đã nói về tướng chung của Biến xứ, tướng riêng của mỗi một loại nay cần phải nói tóm lược.

Đối với tất cả sắc màu xanh, hoặc trên - hoặc dưới - hoặc kê sát, không có hai - không hạn lượng, khởi lên tướng một sắc màu xanh, là Biến xứ thứ nhất. Tất cả sắc màu xanh, nghĩa là các sắc màu xanh hoặc nhỏ - hoặc lớn gọi chung là màu xanh. Trên nghĩa là phương trên, dưới nghĩa là phương dưới, kê sát nghĩa là bốn phương và bốn góc phụ thuộc. Không có hai, nghĩa là chỉ toàn tướng màu xanh chứ không xen lẫn gì khác. Không hạn lượng, nghĩa là không có bến bờ giới hạn. Khởi lên tướng một sắc màu xanh, nghĩa là do tác ý thắng giải đối với tất cả

các xứ khởi lên tưởng một sắc màu xanh. Là Biến xứ thứ nhất, thứ nhất nghĩa là danh số theo thứ tự ở đầu tiên, hoặc tiến vào Định này theo thứ tự ở đầu tiên. Biến xứ nghĩa là lúc tiến vào Định này vốn có Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức thiện, gọi chung là Biến xứ.

Như Biến xứ về sắc màu xanh, nói rộng ra cho đến Biến xứ về Thức vô biên xứ cũng như vậy. Có điều sai biệt, đó là hai Biến xứ sau không nên nói đến Sắc, chỉ nên nói đến Thọ - Tưởng - Hành - Thức uẩn.

Hỏi: Tám Biến xứ trước có thể có trên, dưới, bởi vì cảnh sở duyên ấy có phương xứ, hai Biến xứ sau duyên với Không - duyên với Thức, sở duyên đã không có phương xứ trên, dưới, làm sao có thể nói là có trên, dưới?

Đáp: Sở duyên của hai Biến xứ sau tuy không có phương xứ trên, dưới, mà Định sở y có ba phẩm, cho nên có thể nói là trên, dưới. Trên nghĩa là dựa vào Định thuộc phẩm Thượng, dưới nghĩa là dựa vào Định thuộc phẩm Hạ. Lại nói kê sát là dựa vào Định thuộc phẩm Trung.

Lại nữa, hành giả tu quán, nơi cư trú của thân có trên, dưới, cho nên có thể nói trên, dưới. Kê sát nghĩa là các xứ... Sự việc ấy thế nào? Nghĩa là Hạ thì trú trong loài người, Trung thì trú ở cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, Thượng thì trú ở cõi trời Tam Thập Tam. Như vậy cho đến Tha Hóa Tự Tại lần lượt chuyển đổi hướng về nhau làm thành Hạ - Trung - Thượng, Thượng thì gọi là Thượng, Hạ thì gọi là Hạ, Trung thì gọi là Bàng (kê sát).

Hỏi: Tại sao Tĩnh lự thứ ba không có Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ?

Đáp: Bởi vì không phải là thừa ruộng, đồ đựng, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, bởi vì đối trị trong cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất. Do thân thức mà dẫn dắt duyên với tham sắc, cho nên hai Tĩnh lự đầu thiết lập duyên với Bất tịnh, Giải thoát, Thắng xứ; Tĩnh lự thứ hai, thứ ba không có thân thức đã dẫn dắt duyên với tham sắc, cho nên Tĩnh lự thứ ba - thứ tư không thiết lập duyên với sắc Bất tịnh, Giải thoát, Thắng xứ; ba Tĩnh lự trước có Tâm - Tứ - Hỷ - Lạc, và sự hỗn loạn của hơi thở vào ra, cho nên không có tịnh giải thoát; bốn Thắng xứ sau - tám Biến xứ trước duyên với cảnh thanh tịnh tuyệt vời, có thể điều phục phiền não thì sự việc ấy rất khó. Vì vậy cho nên nhất định phải dựa vào địa không có hỗn loạn mới được thành tựu.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ ba cách xa cõi Dục, ở trong Tĩnh lự lại không

phải là thù thắng nhất, cho nên không có Giải thoát - Thắng xứ - Biến xứ.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ ba như Vô sắc thứ ba, không có nhiều công đức cho nên không có Giải thoát... Nghĩa là Không, Thức vô biên xứ có công đức của vô biên hành tướng, Phi tưởng phi phi tưởng xứ có công đức của Diệt định, Vô sở hữu xứ không có vô biên hành tướng, lại không có Diệt định, vì vậy cho nên công đức của địa này giảm bớt; Tĩnh lự thứ ba giống như địa ấy, cũng không có công đức của Giải thoát, Thắng xứ và Biến xứ.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ ba có thọ nhận niềm vui thù thắng nhất trong sinh tử, có thể làm cho hành giả đắm say mê loạn, cho nên không có Giải thoát, Thắng xứ, Biến xứ.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra không có Vô lượng-thần thông và các công đức khác?

Đáp: Nói công đức ít chứ không nói là hoàn toàn không có, nếu trong địa này không có Vô lượng-thần thông... thì lẽ ra Tĩnh lự này trống rỗng không có công đức. Lại nữa, Vô lượng duyên với toàn bộ thông tuệ đạo chơn khắp địa này, phải có công đức của Giải thoát, Thắng xứ và Biến xứ; duyên riêng biệt với sắc... để điều phục các phiền não, bởi vì khó thành tựu cho nên trong địa này không có.

Như trong kinh nói: “Người đạt được Định về Biến xứ thuộc đất (địa), dấy lên ý niệm như vậy: Đất chính là mình, mình tức là đất, đất cùng với mình không có hai - không tách biệt; người đạt được Định về Biến xứ loại khác, tùy theo sở duyên của mình, nói rộng ra cũng như vậy.”

Hỏi: Người đạt được Định về Biến xứ, chắc chắn đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Ngã kiến đã khởi lên ấy chắc chắn là Tĩnh lự thứ tư; nếu Ngã kiến của Tĩnh lự thứ tư, thì chắc chắn chỉ duyên với tám Biến xứ trước như đất... thuộc Tĩnh lự thứ tư, chỉ duyên với Sắc xứ của cõi Dục làm cảnh, làm sao có thể nói cùng với Ngã kiến ấy cùng duyên với đất...?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trong này, đối với người chưa đạt được Định ấy mà nói theo thanh của người đạt được Định ấy, như không phải là Sa-môn mà nói tên gọi Sa-môn, không phải là Bà-la-môn mà nói tên gọi Bà-la-môn. Nghĩa là dùng Văn-Tư của cõi Dục mà thành tựu, bắt đầu học cách tu tập Biến xứ về đất..., hãy còn chưa có năng lực đoạn dứt phiền não của cõi Dục, chưa đạt được Biến xứ căn bản về đất..., cho nên duyên với đất... có thể khởi lên Ngã kiến.

Hoặc có người nói: Vẫn nói theo tên gọi đã từng có cũng không trái ngược nhau; như có Quốc Vương, tuy mất ngôi vua, mà vẫn nói theo tên gọi đã từng có cũng gọi là vua. Như vậy trước đã đạt được Biến xứ về đất..., nay tuy lui sụt mất đi nhưng vẫn gọi là đạt được, lúc ấy khởi lên Ngã kiến của cõi Dục, duyên với đất... của cõi Dục cho là Ngã, đối với lý không có gì trái ngược.

Lại có người nói: Dựa vào Ngã kiến nhanh chóng vào - ra Biến xứ, đưa ra cách nói như vậy cũng không trái ngược nhau. Nghĩa là người ấy trước đã đạt được Biến xứ về đất..., sau nhanh chóng lui sụt mà khởi lên Ngã kiến của cõi Dục, duyên vào chấp về đất... của cõi Dục làm Ngã, nhanh chóng trở lại đạt được Biến xứ về đất... của Tịnh lự thứ tư, lúc ấy duyên vào đất... của cõi Dục làm cảnh. Như ĐỀ-bà-đạt-đa trước đã đạt được Tịnh lự, dùng năng lực của Thần cảnh thông biến thành trẻ nhỏ, mặc áo đính dây bằng vàng, đính đầu cài hoa tươi đẹp, ở trên đầu gối của Thái tử Vị sinh Oán lăn lộn mà đùa nghịch, nhưng vẫn khiến cho Thái tử biết là Tôn giả ĐỀ-bà-đạt-đa. Lúc ấy Vị sinh Oán thương yêu ôm vào lòng đùa giỡn, gọi rồi lại dùng nước bọt nhả vào trong miệng, ĐỀ-bà-đạt-đa tham cầu lợi dưỡng cho nên liền nuốt lấy nước bọt ấy. Vì vậy Đức Phật trách mắng rằng: Ông là xác chết nuốt nước bọt của người ta. Lúc ĐỀ-bà-đạt-đa nuốt nước bọt ấy thì lui sụt Tịnh lự, vẫn nhanh chóng trở lại đạt được khiến cho thân đã biến đổi ở trên đầu gối của Thái tử mà đùa nghịch như cũ. Ngã kiến của Biến xứ nên biết cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Trong này, Hữu thân kiến chấp đất... của Tịnh lự thứ tư làm Ngã, tám Biến xứ trước cũng duyên vào đất... thuộc Tịnh lự thứ tư.

Hỏi: Lẽ nào không phải tám Biến xứ trước duyên với sắc của cõi Dục hay sao?

Đáp: Cũng duyên với sắc của cõi Dục, cũng duyên với sắc của Tịnh lự thứ tư.

Hỏi: Chư Thiên cõi Sắc chỉ một sắc màu trắng, làm sao duyên vào đó để làm thành màu xanh...?

Đáp: Hữu tình cõi Sắc chỉ một sắc màu trắng, số phi tình ở đó cũng có màu xanh...

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này. Nếu Hữu thân kiến tương ứng cùng có với tám Biến xứ, thì có thể đưa ra vấn nạn rằng: Làm sao pháp tương ứng cùng có, hoặc là duyên với Tịnh lự thứ tư, hoặc là duyên với cõi Dục? Nhưng Hữu thân kiến và tám Biến xứ trước

không phải là tương ứng - không - phải là cùng có, không cần phải chất vấn làm gì, mà một hữu tình gọi là người chấp Ngã cũng gọi là người đạt được Định. Hữu thân kiến chấp vào đất... đất thuộc Tĩnh lực thứ tư làm Ngã, tám Biến xứ trước duyên với sắc của cõi Dục, không phải là cùng lúc cho nên dễ dàng thông hiểu kinh này. Hữu thân kiến này và tám Biến xứ, thân sở y giống nhau và cảnh sở duyên khác nhau.

Như trong kinh nói: “Có Định về đất..., có Biến xứ về đất...” Hỏi: Định về đất... này và Biến xứ về đất... có gì sai biệt?

Đáp: Định về đất... ở cõi Dục và bốn Tĩnh lực, Biến xứ về đất... chỉ ở Tĩnh lực thứ tư. Lại nữa, nếu lúc dấy lên hiểu một phần ít thì gọi là Định về đất..., nếu lúc dấy lên hiểu rộng khắp thì gọi là Biến xứ về đất... đó gọi là sai biệt.

Hỏi: Giải thoát - Thắng xứ và Biến xứ có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, nghĩa là loại này gọi là giải thoát, loại này gọi là Thắng xứ, loại này gọi là Biến xứ. Lại nữa, thiện căn phẩm Hạ gọi là giải thoát, thiện căn phẩm Trung gọi là Thắng xứ, thiện căn phẩm Thượng gọi là Biến xứ. Lại nữa, thiện căn nhỏ bé gọi là Giải thoát, thiện căn to lớn gọi là Thắng xứ, thiện căn vô lượng gọi là Biến xứ. Lại nữa, chỉ có nhân gọi là Giải thoát, chỉ có quả gọi là Biến xứ, gồm chung nhân - quả gọi là Thắng xứ. Lại nữa, có năng lực rời bỏ gọi là Giải thoát, có năng lực hơn hẳn về điều phục cảnh gọi là Thắng xứ, có năng lực mở rộng sở duyên gọi là Biến xứ. Lại nữa, chỉ dấy lên thắng giải gọi là giải thoát, có năng lực điều phục phiền não gọi là thắng xứ, đối với cảnh sở duyên không khác nhau - không hạn lượng gọi là Biến xứ. Lại nữa, nếu đạt được Giải thoát thì chưa hẳn đã đạt được Thắng xứ – Biến xứ, nếu đạt được Thắng xứ thì chắc chắn đã đạt được Giải thoát nhưng chưa hẳn đã đạt được Biến xứ, nếu đạt được Biến xứ thì chắc chắn đã đạt được Giải thoát nhưng chưa hẳn đã đạt được Biến xứ, nếu đạt được Biến xứ thì chắc chắn đã đạt được Giải thoát và Thắng xứ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì từ Giải thoát tiến vào Thắng xứ, từ Thắng xứ tiến vào Biến xứ. Đó gọi là sai biệt giữa Giải thoát - Thắng xứ và Biến xứ.

Trong này, tám trí ba Tam-ma-địa, ba trung Tam-ma-địa, như trường Trí Uẩn sau sẽ phân biệt rộng ra; ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, như chương Kiết Uẩn này ở phần đầu đã phân biệt rộng ra.

